

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-02-2020
V/v Ly hôn và con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lương

Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 919/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu L ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã K , huyện T , thành phố Hải Phòng; địa chỉ hiện nay: Thôn 3, xã K , huyện T , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C ; địa chỉ: Thôn 2, xã K , huyện T , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 14 tháng 4 năm 2002). Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, xúc phạm nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Chị L và anh C có ba con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003; Nguyễn Khánh D, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2005 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con tên L. Hai con Nguyễn Thị T và Nguyễn Khánh D đang ở với anh C, chị L đồng ý để anh C tiếp tục nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh C tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận phân chia, nếu không xong sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Chị L không đề nghị chia tài sản trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh C đồng ý với trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nguyên nhân do trong lúc nóng giận vợ chồng có xảy ra cãi vã, xích mích, xúc phạm nhau. Chị L có đơn xin ly hôn, anh C mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con. Trường hợp chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh C thống nhất vợ chồng có ba con chung như chị L trình bày. Hiện nay anh C đang nuôi hai con chung Nguyễn Thị T và Nguyễn Khánh D. Khi ly hôn anh C đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các con muốn ở cùng với ai để giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp

luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về dân sự. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời khai của chị L tại Tòa án phù hợp với bản sao giấy đăng ký kết hôn mà chị L đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K . Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị L và anh C có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nguyên vọng của con chung là ở cùng với bố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn C cư trú tại xã K , huyện T , thành phố Hải Phòng; anh C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 14 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã K , huyện T , thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thu L được ly hôn anh Nguyễn Văn C .

[3]. Về con chung: Chị L và anh C có ba con chung là Nguyễn Thị T , sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003; Nguyễn Khánh D , sinh ngày 06 tháng 7 năm 2005 và Nguyễn Thị Khánh L , sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con tên L . Anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyên vọng của các con chung. Cháu Nguyễn Thị T và Nguyễn Khánh D đều có nguyên vọng được ở cùng với bố. Vì vậy, giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Khánh L , anh C trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị T và Nguyễn Khánh D là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L trình bày để hai bên tự giao nhận cho nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị L và anh C đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu L được ly hôn anh Nguyễn Văn C .

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Khánh L , sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị T , sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003 và Nguyễn Khánh D , sinh ngày 06 tháng 7 năm 2005 cho đến khi mỗi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003231 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thu L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã K , T , Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 14/10/2002);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý